TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bút

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2018 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phượng L** - Sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy V – Luật sư văn phòng luật sư Lê Thùy V thuộc đoàn luật sư V; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Phạm Phi K** - Sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt lần thứ 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Phượng L trình bày:

Vào năm 2016, bà Nguyễn Phượng L và ông Phạm Phi K tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh B ngày 28/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 01 năm, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ tháng 01 năm 2018, bà và ông K đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, bà nhận thấy đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: bà và ông K có 01 người con chung là Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày: 28/10/2016 (hiện đang sống chung với bà L). Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Phạm Phi K:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Ông K cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của bà L. Tại phiên tòa ông K vắng mặt nên không có ý kiến, lời trình bày của ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Phượng L, bà được ly hôn với ông Phạm Phi K. Ghi nhận việc bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà và ông K có 01 người con chung là Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày: 28/10/2016 (hiện đang sống chung với bà L), người con được chăm sóc phát triển bình thường và đã sống ổn định với bà L nên cần giao người con này cho bà L nuôi dưỡng. Ghi nhận bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn là ông Phạm Phi Khánh vắng mặt 02 lần không lý do nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt bà ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phượng L và ông Phạm Phi K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại xã xã Vĩnh Bình, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ngày 28/3/2016 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà và ông K sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà L xác định là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2020, địa phương xác nhận là bà L và ông K có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay không hàn gắn được. Trong thời gian ly thân, ông bà không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Mặc dù, Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhiều lần nhưng ông K vẫn cố tình vắng mặt, thể hiện sự không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Hôn nhân của bà L và ông K đã rơi vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Bà L xác định giữa bà và ông K có 01 người con chung là Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày: 28/10/2016 (hiện đang sống chung với bà L). Xét thấy, người con này đã sống với bà L từ khi bà và ông K ly thân với nhau, cháu đang sống ổn định, được bà L chăm sóc tốt, bà có đủ điều kiện nuôi con nên cần giao con cho bà L nuôi dưỡng. Ghi nhận bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Phượng L phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí, Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Phượng L đối với ông Phạm Phi K. Bà L không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

2. Về con chung: Bà L được quyền nuôi con chung là Phạm Nguyễn Phương A, sinh ngày: 28/10/2016 (hiện đang sống chung với bà L). Ghi nhận bà không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Vì lợi ích của con chung, nguyên đơn, bị đơn hoặc các nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận giải quyết cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Phượng L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006964 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị

đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Thanh